

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày 28 -12- 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lợi và bà Hoàng Thị Thuý

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Minh Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:**

Ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 18/7/2022 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 16/2022/QĐ-HPT ngày 29/11/2022 của TAND huyện Quảng Xương giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1955 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T là ông Vũ Văn T, địa chỉ: Lô 51, MB 1825, phường ĐH, Thành Phố TH.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn D, sinh năm 1977 (vắng mặt không rõ lý do)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đặng Thị P, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ xã Quảng N, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

2. Chị Đặng Thị T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

3. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của bà T trình bày như sau:

Bà Vũ Thị T là vợ của ông Đặng Văn Tr (sinh năm 1951, mất năm 2019). Khi ông Tr còn sống, ông bà có khối tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là: Đất và công trình trên đất tại thửa số 1346, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại thôn Đ, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh TH, diện tích đất 120m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 20m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) - thửa đất đã được UBND huyện Quảng Xương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CE501519, số vào sổ CH 01881 ngày 17/10/2016 mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T.

Năm 2019 ông Đặng Văn Tr chết không để lại di chúc, bà Vũ Thị T và các con đã nhiều lần họp gia đình để tiến hành làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông Tr để lại nhưng không thống nhất được việc chia di sản thừa kế và đã xảy ra mâu thuẫn, đặc biệt là người con trai của bà là anh Đặng Văn D không đồng ý cho bà phân chia thừa kế. Vì vậy, nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương công nhận ½ tài sản trên là của bà Vũ Thị T, còn ½ tài sản trên là của ông Đặng Văn Tr và đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn Tr theo quy định của pháp luật.

Hiện nay bà T là người đang ở trên đất, công trình trên đất là ngôi nhà cấp 4 nằm ở chính giữa phía Bắc của thửa đất, đây là nơi ở duy nhất của bà, nên bà có nguyện vọng được nhận toàn bộ nhà và đất, bà sẽ giao lại tiền chênh lệch giá trị tài sản cho các con.

Bà T xác định: ông Tr và bà T có 04 người con chung là Đặng Thị P, Đặng Thị T1, Đặng Văn D, Đặng Thị h; ông Tr không có con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ của ông Tr là ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Đ đều đã chết từ khi ông Tr còn nhỏ, ông Tr không có bố mẹ nuôi.

- Ý kiến bị đơn anh Đặng Văn D:

Đối với thửa đất số 1346, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại thôn Đ, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá mang tên ông Đặng Văn Tr, bà Vũ Thị T thì anh D không đồng ý phân chia. Vì anh D cho rằng: Khi ông Tr còn sống, ông có nói với các con cháu là đất và nhà này để làm nhà thờ (ông chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ gì), nên nguyện vọng của anh D là thửa đất trên phải để cho bà T ở, khi

nào bà T chết thì để lại làm nhà thờ, anh D là con trai trong gia đình, con trai của anh D là cháu đích tôn nên phải được quyền quản lý đất và nhà thờ này. Vì vậy anh D không đồng ý chia đất và không đồng ý chuyển nhượng đất cho bất kỳ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo thẩm định tài sản, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà... Tuy nhiên, anh D không có mặt tại toà án, không tham gia phiên hoà giải và không tham gia phiên toà xét xử.

*- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị P, chị Đặng Thị T1, chị Đặng Thị H đều thống nhất trình bày như sau:*

Chị Đặng Thị P, Đặng Thị T1, Đặng Thị H đều là con đẻ của ông Đặng Văn Tr và bà Vũ Thị T. Bố mẹ các chị là ông Tr và bà T có khối tài sản chung là đất và công trình trên đất tại diện tích đất 120m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 20m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) tại thửa số 1346, tờ bản đồ số 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại thôn Đông, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, thửa đất được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ số CE501519, số vào sổ CH 01881 ngày 17/10/2016 và toàn bộ tài sản công trình trên đất mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T. Năm 2019 ông Tr chết không để lại di chúc. Bà T hiện đang ở trên đất.

Gia đình đã nhiều lần họp để phân chia di sản thừa kế của ông Tr để lại đối với thửa đất trên nhưng không thống nhất được do anh Đặng Văn D không cho chia đất. Mâu thuẫn gia đình lớn nên bà T đã khởi kiện yêu cầu tòa án phân chia thừa kế đối với phần tài sản của ông Tr để lại trong khối tài sản chung vợ chồng như trên thì các chị đồng ý đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Tr để lại theo pháp luật.

Các chị xác định: những người thuộc hàng thừa kế của ông Tr gồm: 04 người con là Đặng Thị P, Đặng Thị T1, Đặng Văn D, Đặng Thị H. Ông Tr không có con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ đẻ của ông Tr là ông bà nội của bà P đã chết từ lâu.

Nay bà T yêu cầu tòa án phân chia thừa kế đối với phần tài sản của ông Tr để lại trong khối tài sản chung vợ chồng như trên thì ý kiến của các chị là đồng ý với ý kiến của bà T, đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Tr theo quy định của pháp luật. Chị P, chị H, chị T1 hiện đã đi lấy chồng và có nơi ở khác ổn định nên các chị có nguyện vọng lấy phần di sản thừa kế của mình được hưởng

bằng tiền. Tuy nhiên, tại phiên toà, các chị thống nhất sẽ nhường toàn bộ phần di sản thừa kế mà các chị được hưởng cho bà Vũ Thị T.

**\* Kết quả xác minh tại địa phương xác định:**

Về di sản thừa kế: Nguồn gốc thửa đất 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đông, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H là của ông Đặng Văn Tr và bà Vũ Thị T. Ông Tr và bà T đã ở trên đất từ khoảng năm 1981, xây nhà và sinh sống cùng nhau đến năm 2019 thì ông Tr chết, hiện chỉ có mình bà Vũ Thị T đang sinh sống trên đất. Quá trình sử dụng đất: Năm 2016, ông Tr và bà T đã tặng cho anh Đặng Văn D một phần phía Tây của thửa đất nên diện tích đất còn lại của ông bà là 120m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 20m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) đã được UBND huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T, số CE50159, số vào sổ CH-01881 ngày 17/10/2016.

Về thông tin những người thuộc hàng thừa kế: Bố mẹ của ông Tr là ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Đ đều đã chết từ lâu. Ông Đặng Văn Tr có vợ là bà Vũ Thị T và có 04 người con đẻ là: Đặng Thị P, Đặng Thị H, Đặng Thị T1, Đặng Văn D. Ông Tr không có con riêng, không có con nuôi.

**\* Kết quả thẩm định và định giá tài sản xác định:**

- Thửa đất 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đ, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H diện tích 120m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 20m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) đã được UBND huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T, số CE50159, số vào sổ CH-01881 ngày 17/10/2016. Có vị trí giáp ranh:

Phía đông: dài 13m giáp đất nhà ông C

Phía tây: dài 13,2m giáp đất nhà ông D

Phía nam: 9,5m giáp ngõ đi chung

Phía bắc: 9m giáp nhà ông Th

Vị trí, kích thước, diện tích thửa đất thực tế phù hợp với hồ sơ địa chính và GCNQSDĐ đã cấp.

Công trình trên đất gồm có: 01 nhà cấp 4 mái ngói, khung kèo gỗ, sàn lát gạch ceramic 40x40 (diện tích 9mx5,8m), xây từ năm 1981; 01 nhà bếp lợp ngói, khung kèo luồng, tường xây gạch 220, sàn lát gạch đỏ, diện tích 4,3mx2,5m.

- Giá trị đất: Đất ở là 6.932.157đ/m<sup>2</sup>, đất cây lâu năm là 22.000đ/m<sup>2</sup>. Vậy tổng giá trị thửa đất là 693.655.700đ (Sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).

- Giá trị công trình trên đất (nhà cấp 4 và bếp) là: 11.211.665đ (mười một triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản bà Vũ Thị T đã tự nguyện chi trả và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không rõ lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H, chị T, chị P trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu của bà T về việc tòa án phân chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản ông Tr để lại, tuy nhiên, vì các chị xét thấy mẹ đã già yếu, không có thu nhập nên chị H, chị T, chị P thống nhất tặng lại cho bà Vũ Thị T toàn bộ phần mà các chị được hưởng theo pháp luật.

### ***Đại diện VKS phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại điều 70,71,72.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ: Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 26, 35, 39, 184, 184, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Xác định ½ [đất và công trình trên đất] tại thửa đất 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đông, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H là của bà Vũ Thị T. Phần còn lại là của ông Đặng Văn Tr là 50m<sup>2</sup> đất ở và 10m<sup>2</sup> đất vườn + ½ công trình trên đất tại thửa đất trên thì đề nghị tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Tr theo pháp luật. Về án phí: anh D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần di sản mình được hưởng. Miễn án phí cho Bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Người để lại di sản là ông Đặng Văn Tr chết năm 2019, vì vậy thời hiệu chia thừa kế vẫn còn căn cứ điều 623 Bộ luật dân sự. Bị đơn là anh Đặng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:** Bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định di sản thừa kế nằm trong khối tài sản chung vợ chồng của bà và ông Đặng Văn Tr, đồng thời yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Tr theo quy định của pháp luật.

*[2.1]. Về di sản thừa kế:*

Có cơ sở xác định: Thừa đất 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đông, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H diện tích 120m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 20m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) là của ông Đặng Văn Tr và bà Vũ Thị T, đã được UBND huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T, số seri CE50159, số vào sổ CH-01881 ngày 17/10/2016. Có vị trí giáp ranh: Phía đông: dài 13m giáp đất nhà ông Cảnh; phía tây: dài 13,2m giáp đất nhà anh Dương; phía nam: 9,5m giáp ngõ đi chung; phía bắc: 9m giáp nhà ông Th.

Giá trị: Đất ở là 6.932.157đ/m<sup>2</sup>; đất cây lâu năm là 22.000đ/m<sup>2</sup>; tài sản trên đất (01 nhà mái ngói và 01 bếp) trị giá là 11.211.665đ (mười một triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng). Vậy tổng giá trị đất và công trình trên đất là: 704.867.365đ (bảy trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Toàn bộ đất và công trình trên đất là tài sản chung của ông Tr và bà T trong thời kỳ hôn nhân, công sức đóng góp của ông bà là như nhau, vì vậy, xác định ½ khối tài sản này là của bà Vũ Thị T, ½ còn lại là của ông Đặng Văn Tr.

Như vậy, di sản thừa kế của ông Đặng Văn Tr là 60m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 10m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) và ½ của công trình trên đất tại thửa 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đông, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H.

Tổng giá trị là:

$$[(50m^2 \times 6.932.157đ) + (10m^2 \times 22.000đ)] + (11.211.665đ : 2) = 352.433.682đ$$

(Ba trăm năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

*[2.2] Về xác định những người thuộc diện thừa kế của ông Đặng Văn Tr:*

Ông Đặng Văn Tr có vợ là bà Vũ Thị T và có 04 người con đẻ là: Đặng Thị P, Đặng Thị H, Đặng Thị T1, Đặng Văn D. Ông Tr không có con riêng, không có con nuôi. Bố mẹ của ông Tr đều đã chết từ lâu. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Vũ Thị T, chị Đặng Thị P, chị Đặng Thị T1, chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn D.

*[2.3] Về phân chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn Tr:*

Ông Đặng Văn Tr chết năm 2019 không để lại di chúc. Bà T là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Tr là có cơ sở. Từ khi ông Tr chết đến nay, bà T là người ở trên đất, có công gìn giữ, bảo quản di sản, nhưng bà T không yêu cầu phân chia phần công sức gìn giữ tôn tạo di sản.

Như vậy, phân chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn Tr thành 05 phần bằng nhau cho bà T, chị H, chị P, chị T, anh D mỗi người được hưởng một phần. Tuy nhiên, di sản của ông Tr là 60m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 10m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) nên không thể phân chia cho mỗi người được lấy hiện vật vì không phù hợp với hạn mức tách thửa tại địa phương, hơn nữa, trên đất có nhà cấp 4 nằm chính giữa phía bắc thửa đất, việc phân chia bằng hiện vật sẽ không đảm bảo được kết cấu của ngôi nhà, ngôi nhà này là nơi ở duy nhất của bà Vũ Thị T, bà T có nguyện vọng được nhận toàn bộ nhà, đất và sẽ giao lại tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế khác; những người khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều đã có nhà ở nơi khác ổn định. Vì vậy, giao toàn bộ nhà và đất là di sản của ông Tr để lại cho bà Vũ Thị T, buộc bà T phải giao lại tiền tương ứng với giá trị phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp.

Cụ thể: Bà T phải giao lại cho chị Phương, chị Hương, chị Tường, anh Dương mỗi người số tiền là  $352.433.682đ : 5 = 70.486.736đ$  (bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Hương, chị T, chị P thống nhất không nhận phần di sản được hưởng mà tặng cho lại toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng cho bà T. Việc tặng cho là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

*[2.4] Về án phí:* Anh phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản mình được hưởng. Miễn án phí DSST cho bà T vì bà thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

*[2.5] Về chi phí tố tụng:* Toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bà T đã tự nguyện chi trả, không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2017;

Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 167 Luật đất đai 2013;

Điều 26, 35, 39, 184, 184, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

- Xác định  $\frac{1}{2}$  [đất và công trình trên đất] tại thửa đất 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đ, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H đã được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T, số seri CE50159, số vào sổ CH-01881 ngày 17/10/2016 (tức là 50m<sup>2</sup> đất ở và 10m<sup>2</sup> đất vườn +  $\frac{1}{2}$  công trình trên đất) là của bà Vũ Thị T. Phần còn lại là của ông Đặng Văn Tr. Như vậy, xác định di sản thừa kế của ông Đặng Văn Tr là 50m<sup>2</sup> đất ở và 10m<sup>2</sup> đất vườn +  $\frac{1}{2}$  công trình trên đất tại thửa đất trên.

- Về phân chia di sản thừa kế:

Giao cho bà Vũ Thị T được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ công trình trên đất đối với diện tích 120m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 20m<sup>2</sup> đất cây lâu năm) tại thửa đất số 1346 tờ bản đồ số 02 tại thôn Đông, xã Quảng N, huyện Quảng Xương, H (GCNQSDĐ mang tên Đặng Văn Tr và Vũ Thị T, số CE50159, số vào sổ CH-01881 ngày 17/10/2016).

Bà Vũ Thị T có nghĩa vụ phải giao lại cho anh Đặng Văn D số tiền 70.487.736đ (bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) (là giá trị tương ứng với phần di sản thừa kế của ông Đặng Văn Tr để lại chia cho anh Đặng Văn D).

- Về án phí: Anh Đặng Văn D phải chịu 3.524.337đ (ba triệu năm trăm hai mươi tư nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng). Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị T.



- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bà T, chị Hương, chị Tường, chị Phương. Bà T, chị Hương, chị Tường, chị Phương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh Dương là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Huyền**

